

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 9 năm 2020
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Khắc Chiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Chuyển, ông Nguyễn Huy Trụ

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Thuỷ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Trần Khánh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 330/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 530/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hoàng N - sinh năm: 1991

ĐKKHKT: Số nhà 15, tổ 14B, phố A, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

(có mặt)

Bị đơn: Anh Hoàng Văn A - sinh năm: 1990

ĐKKH: Thôn 26, xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

Nơi tạm trú: Tổ 41, khu T, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Hoàng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn A đăng ký kết hôn ngày 01/11/2016 tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc. Từ ngày kết hôn đến nay, đời sống chung vợ chồng

không hạnh phúc, đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh A hay tụ tập chơi bài, rượu chè và không quan tâm đến gia đình. Chị có khuyên giải anh A nhiều lần nhưng anh A không nghe mà còn áp đặt chị phải làm cái nọ cái kia. Anh A không tôn trọng chị, hay chửi bới, nhiều lần anh A đi chơi cờ bạc nhưng không có tiền mà còn bắt chị phải đưa tiền, chị không đưa thì quay ra chửi và đánh chị. Khoảng năm 2018, chị và anh A về ở cùng với mẹ đẻ chị ở số nhà 15, tổ 14B, phố A, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ để ở với thời gian khoảng 02 tháng, thời gian này vợ chồng cãi chửi và đánh nhau nên chị có mời đại diện khu dân cư đến giải quyết. Từ ngày kết hôn đến nay, anh A không đưa cho chị một khoản tiền nào để chi tiêu việc gia đình và nuôi con, tiền lương của anh A thì anh A tự chi tiêu. Mâu thuẫn vợ chồng có được gia đình khuyên giải nhưng không cải thiện. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 15/7/2020 đến nay, thời gian này hai bên không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn A.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Phi Y - sinh ngày: 16/6/2018. Hiện nay con chung đang ở với chị, khi ly hôn chị nhận nuôi con. Hiện nay chị đang làm công nhân của Công ty B, tiền lương khoảng 5.500.000đ/01 tháng. Chị đề nghị anh A phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng. Thời gian nuôi con và cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 9/2020. Phương thức cấp dưỡng theo hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Hoàng Văn A trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian và điều kiện kết hôn như chị N đã trình bày. Vợ chồng sống hạnh phúc đến ngày 13/7/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là hai vợ chồng nói nhau, do nóng giận nên anh có tát chị N sau đó anh nhận thấy việc làm của anh là sai nên đã xin lỗi chị N. Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì chị N về nhà bố mẹ đẻ ở số nhà 15, tổ 14B, phố A, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ để ở nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị N xin ly hôn thì anh xin đoàn tụ vì mong muốn vợ chồng cùng xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Nếu chị N cương quyết xin ly hôn, anh đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Phi Y - sinh ngày: 16/6/2018. Hiện nay con chung đang ở với chị N. Nếu vợ chồng phải ly hôn mà chị N nhận nuôi con thì anh nhất trí. Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì anh không nhất trí, mặc dù hiện nay anh làm công nhân vận hành máy dệt của Công ty A, tiền lương và tiền làm thêm giờ tổng số tiền khoảng từ 6.500.000đ đến 7.000.000đ/01 tháng nhưng anh còn phải chi tiêu, khi nào anh đến thăm con và mua các thứ cho con thì anh tự mua.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Tòa án xác minh tại gia đình và nơi cư trú của chị N, nội dung xác minh thể hiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hoàng N và anh Hoàng Văn A đăng ký kết hôn ngày 01/11/2016 tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc. Vợ chồng chị N anh A sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách hai bên không hợp nhau và điều kiện kinh tế khó khăn dẫn đến vợ chồng cãi chửi và đánh nhau. Thời gian vợ chồng chị N ở cùng với bố mẹ đẻ chị N ở tổ 14B, phố A, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, hai vợ chồng đánh chửi nhau nên chị N đã báo gọi đại diện khu đến giải quyết. Từ ngày 15/7/2020 đến nay, chị N và con về ở cùng với bố mẹ đẻ tại tổ 14B, phố A, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Về con chung: Vợ chồng chị N anh A có 01 con chung là Hoàng Phi Y - sinh ngày: 16/6/2018. Hiện nay con chung đang ở với chị N.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Chị N và anh A không có.

Nay chị N xin ly hôn anh A, quan điểm của gia đình chị N và đại diện khu dân cư nơi chị N cư trú là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, thực tế hiện nay vợ chồng đang sống ly thân.

- Toà án xác minh tại Công ty A ở phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, nội dung xác minh thể hiện như sau: Hiện nay anh A là công nhân vận hành máy dệt của Công ty A. Tháng 8/2020 tiền lương của anh A là 5.009.053đ (Năm triệu không trăm linh chín nghìn không trăm năm mươi ba đồng), nếu anh A làm đủ ngày công thì tiền lương là 6.100.000/01 tháng.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký ghi biên bản phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn dân sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hoàng N nên chị Nguyễn Hoàng N được ly hôn anh Hoàng Văn A.

Về con chung: Căn cứ Điều 58; Điều 110; khoản 1 Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình. Giao con chung là Hoàng Phi Y - sinh ngày: 16/6/2018 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh A có

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N là 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 9/2020 đến khi con chung thành niên .

Tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Không giải quyết vì không có.

Về án phí ly hôn: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Hoàng N phải chịu 300.000đ.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Hoàng Văn A phải chịu 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét thấy anh Hoàng Văn A đăng ký hộ khẩu tại xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ nhưng hiện nay đang tạm trú tại tổ 41, khu T, phường M, thành phố V và đang làm công nhân tại Công ty A ở phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Nay chị Nguyễn Hoàng N xin ly hôn anh Hoàng Văn A và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì giải quyết. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì giải quyết vụ án là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hoàng N và anh Hoàng Văn A đăng ký kết hôn ngày 01/11/2016 tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh A là hợp pháp. Chị N xin ly hôn nhưng anh A xin đoàn tụ để vợ chồng xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con. Xét thấy chị N và anh A sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau và anh A đánh chị N. Ngày 15/7/2020 chị N về nhà bố mẹ đẻ ở tổ 14B, khu A, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ để ở, còn anh A vẫn ở tổ 41, khu T, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ nên vợ chồng hiện nay đang sống ly thân. Tòa án xác minh tại gia đình và nơi cư trú của chị N thì tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh A không hạnh phúc, hiện nay các bên đang sống ly thân. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh A là mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị N về việc xin ly hôn anh A là có căn cứ. Vì vậy, xử cho chị N được ly hôn anh A.

[3] Về con chung: Chị N và anh A có 01 con chung là Hoàng Phi Y - sinh ngày 16/6/2018. Xét thấy cháu Y hiện còn nhỏ và đang ở với chị N. Khi ly hôn

chị N nhận nuôi con, anh A cũng nhất trí để chị N nuôi con nếu vợ chồng phải ly hôn. Theo quy định tại Điều 69 của Luật Hôn nhân và gia đình, trông nom, nuôi dưỡng và chăm sóc con chưa thành niên là nghĩa vụ và quyền của cha, mẹ. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị giao cháu Y cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Vì vậy, giao cháu Y cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N đề nghị anh A cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 9/2020 đến khi con chung thành niên, tiền cấp dưỡng là theo hàng tháng. Xét thấy anh A là công nhân vận hành máy dệt của Công ty A, tiền lương từ khoảng 5.009.053đ đến 6.100.000đ/tháng nên chị N đề nghị anh A cấp dưỡng nuôi con và số tiền cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị anh A phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Vì vậy, anh A phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N là 1.000.000đ/tháng, phương thức cấp dưỡng nuôi con là theo hàng tháng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Xét thấy chị N và anh A đều xác định không có. Vì vậy, không giải quyết tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình.

[5] Về án phí ly hôn. Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chị Nguyễn Hoàng N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Hoàng Văn A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; khoản 1 Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hoàng N về việc xin ly hôn anh Hoàng Văn A. Xử cho chị Nguyễn Hoàng N được ly hôn anh Hoàng Văn A.

3. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Phi Y - sinh ngày: 16/6/2018 cho chị Nguyễn Hoàng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Hoàng Văn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ (Một triệu

đồng)/01 tháng. Thời gian nuôi con và cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 9/2020 đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Phương thức cấp dưỡng theo hàng tháng.

Sau khi ly hôn, anh Hoàng Văn A có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Không giải quyết vì không có.

5. Về án phí:

Chị Nguyễn Hoàng N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0001201 ngày 27/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì (Xác nhận chị N đã nộp đủ 300.000đ án phí ly hôn).

Anh Hoàng Văn A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND thành phố Việt Trì;
- Chi cục THADS thành phố Việt Trì;
- UBND xã T, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Khắc Chiên